

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 09/2021/DS-ST

Ngày 18-6-2021

V/V: Tranh chấp hợp đồng tham

gia bán hàng đa cấp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thạo.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Bê; ông Nguyễn Hoàng Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *thành phố Bắc Giang* tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày **18/6/2020** tại trụ sở Tòa án nhân dân **thành phố Bắc Giang**, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2020/DSST ngày 17/11/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tham gia bán bán hàng đa cấp*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST - DS ngày 26/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST- DS ngày 19/5/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Quang H, sinh năm: 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Hiện tại anh Phạm Quang H đang lao động tại Hàn Quốc, không rõ địa chỉ.

Nơi cư trú cuối cùng của anh Phạm Quang H tại Việt Nam: Thôn B N, xã C K, huyện H L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Quang H (Giấy ủy quyền ngày 12/3/2018): Bà Đặng Hồng P, sinh năm: 1957 (vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm D M, xã S H, huyện H L, tỉnh Lạng Sơn.

- *Bị đơn*: Công ty A.

Địa chỉ trụ sở Công ty: khu dân cư A, Quân đoàn B, đường H V T, phường D K, thành phố B G, tỉnh Bắc Giang.

Do ông Nguyễn Văn C - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2020, bản tự khai ngày 18/3/2021, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, là bà Đặng Hồng P là người diện theo ủy quyền của anh Phạm Quang H trình bày:

Năm 2013, anh Nguyễn Quang H và Công ty A (sau đây viết là Công ty) do ông Nguyễn Văn C, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty có ký kết hợp đồng hợp tác bán hàng đa cấp số 0012636, mặt hàng cao sâm. Anh Phạm Quang H không có đăng ký kinh doanh nên theo hợp đồng thì anh tham gia với tư cách là Cộng tác viên bán hàng. Sau khi ký hợp đồng hợp tác bán hàng đa cấp, anh Phạm Quang H đã nhiều lần nộp tiền vào Công ty để được nhận sản phẩm cao sâm về bán trên thị trường. Mỗi lần nộp tiền, phía Công ty có xuất hóa đơn kiêm phiếu xuất kho để làm căn cứ xác định anh Phạm Quang H đã nộp tiền và có quyền được nhận số hàng tương ứng với số tiền đã nộp. Sau mỗi lần nhận hàng, phía Công ty thu hồi hóa đơn kiêm phiếu xuất kho tương ứng với số hàng đã nhận.

Theo phương thức giao nhận hàng như vậy, anh Phạm Quang H đã ba lần nộp tiền vào Công ty, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 18/9/2013, anh Phạm Quang H nộp tiền vào Công ty để nhận 101 mã sản phẩm cao sâm, giá mỗi mã sản phẩm là 6.800.000đồng (sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Anh Phạm Quang H đã nộp đủ cho Công ty số tiền $6.800.000\text{đồng} \times 101 = 686.800.000.000\text{đồng}$ (sáu trăm tám mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Công ty đã trả cho anh Phạm Quang H 36 mã hàng cao sâm và đã thu hồi 36 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho tương ứng với số tiền: $6.800.000\text{đồng} \times 36 = 244.800.000\text{đồng}$ (hai trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Còn lại 65 mã hàng tương ứng với 65 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho Công ty chưa trả hàng tương ứng với số tiền: $65 \times 6.800.000\text{đồng} = 442.000.000\text{đồng}$.

Lần 2: Ngày 09/7/2014, anh Phạm Quang H nộp tiền vào Công ty để mua 14 mã sản phẩm cao sâm, giá mỗi mã sản phẩm là 8.450.000 đồng. Anh Phạm Quang H đã nộp đủ cho Công ty số tiền $14 \times 8.450.000\text{đồng} = 118.300.000\text{đồng}$ (một

trăm mười tám triệu ba trăm nghìn đồng). Công ty xuất cho anh 14 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho tương đương với 14 mã hàng đã mua nhưng Công ty chưa trả hàng.

Lần 3: Ngày 30/7/2014, anh Phạm Quang H nộp tiền vào Công ty để mua 18 mã sản phẩm cao sâm, giá mỗi mã sản phẩm là 8.450.000 đồng. Anh Phạm Quang H đã nộp đủ cho Công ty số tiền $18 \times 8.450.000$ đồng = 152.100.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu một trăm nghìn đồng). Công ty xuất cho anh Phạm Quang H 18 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho tương đương với 8 mã hàng đã mua nhưng Công ty chưa trả hàng.

Tổng số hàng Công ty chưa trả cho anh Phạm Quang H theo các hóa đơn kiêm phiếu xuất kho là 97 mã sản phẩm với số tiền là: 712.400.000 đồng (bảy trăm mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Đến năm 2016, anh Phạm Quang H vẫn không nhận được số hàng còn thiếu, vì vậy Công ty ký tiếp hợp đồng số 0016697 ngày 14/4/2016 có thời hạn 01 năm để kế tiếp cho hợp đồng số 0012636, số tiền anh Phạm Quang H đã nộp theo hợp đồng số 0012636 vẫn được bảo lưu để nhận hàng theo các hóa đơn kiêm phiếu xuất kho Công ty đã xuất để xuất cho anh Phạm Quang H.

Đã nhiều lần anh Phạm Quang H tìm gặp và gọi điện cho ông Nguyễn Văn C yêu cầu Công ty trả nốt số hàng còn lại và chi trả quyền lợi tri ân nhưng không được giải quyết. Anh Phạm Quang H khởi kiện yêu cầu Công ty A phải trả anh tổng số tiền 712.400.000 đồng (bảy trăm mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tương đương với 97 mã sản phẩm anh đã mua nhưng chưa được trả hàng.

Chứng cứ anh Phạm Quang H đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm có:

- 65 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho ghi ngày 18/9/2013 của Công ty ghi tên khách hàng: Phạm Quang H có đóng dấu “Đã thu tiền” số tiền là 6.800.000 đồng;
- 14 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho ghi ngày 09/7/2014 của Công ty ghi tên khách hàng: Phạm Quang H có đóng dấu “Đã thu tiền” số tiền là 8.450.000 đồng;
- 18 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho ghi ngày 30/7/2014 của Công ty ghi tên khách hàng: Phạm Quang H có đóng dấu “Đã thu tiền” số tiền là 8.450.000 đồng;

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã triệu tập nhưng đại diện phía bị đơn là Công ty A không có mặt để tham gia tố tụng. Xác minh địa chỉ của Công ty xác định được như sau: Tại Biên bản xác minh ngày 02/3/2021, Ủy ban nhân dân phường Đình Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cung cấp như sau: Công ty A vẫn đăng ký trụ sở tại địa chỉ khu dân cư A, Quân đoàn B, đường H V T kéo dài,

phường D K, thành phố B G, tỉnh Bắc Giang. Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh gì và không còn treo biển hiệu tại địa chỉ trên, không có nhân viên làm việc tại Công ty.

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang cũng đã yêu cầu Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang cung cấp các thông tin liên quan đến Công ty A và được Phòng đăng ký kinh doanh sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang cung cấp các tài liệu, thông tin sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Công ty A; mã số doanh nghiệp: 0105989285; đăng ký lần đầu: 11 tháng 9 năm 2012; đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 09/8/2016; địa chỉ trụ sở chính: khu dân cư A – Quân đoàn B đường H V T kéo dài, phường D K, thành phố B G, tỉnh Bắc Giang; người đại diện theo pháp luật của Công ty: Nguyễn Văn C, sinh năm: 1970; chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Tại Công văn số 32/CV- ĐKKD ngày 29/3/2021 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Giang cung cấp thông tin: Công ty A từ thời điểm tháng 1/2019 đến nay, Công ty không nộp bất kỳ thủ tục thay đổi gì tại Phòng đăng ký kinh doanh; Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 09/8/2016 có giá trị pháp lý tại thời điểm hiện nay.

Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải....nhưng đại diện của Công ty A không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện, không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã thu thập các tài liệu, chứng cứ của vụ án dân sự thụ lý số: 38/2017/TLST- DS ngày 21 tháng 4 năm 2017 giữa nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1962; với bị đơn: Công ty A. Các tài liệu thu thập gồm có: Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2018/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử vụ án dân sự nêu trên (bản án đã có hiệu lực pháp luật); bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty; bản sao hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty và bản sao Quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục quản lý cạnh tranh về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty A.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2018/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 của

Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang ghi: “Ngày 12/12/2017 Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang có Công văn số 1454/TA gửi Công an tỉnh Bắc Giang đề nghị xem xét xử lý về hình sự đối với hành vi bán hàng đa cấp của Công ty A. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh có Phiếu chuyển đơn số 393/PC46 ngày 11/01/2018, trong đó xác định những tài liệu có liên quan do Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang chuyển đến chưa có căn cứ để xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm hình sự. Những đơn của công dân gửi Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang là đơn khởi kiện Công ty A về việc thực hiện cam kết hợp đồng bán hàng, thuộc trách nhiệm thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang”.

Tại Quyết định số 252/QĐ-QLCT kết luận: Công ty A đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với một người tham gia bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP...”.

Ngoài hình thức phạt tiền, Cục quản lý cạnh tranh còn áp dụng hình phạt bổ sung: Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP”.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 19/5/2021 người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Quang H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Đại diện Công ty A vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Quang H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Đại diện Công ty A vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quang H. Buộc Công ty A phải trả cho anh Phạm Quang H 712.400.000đồng. Công ty A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Đại diện theo pháp luật của bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1. 2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Năm 2013 anh Phạm Quang H và Công ty A có ký kết hợp đồng hợp tác bán hàng đa cấp số 0012636 để trở thành cộng tác viên bán hàng cho Công ty A. Căn cứ hợp đồng trên, Anh Phạm Quang H nộp tiền trước để mua hàng cao sâm của Công ty và được Công ty xuất hóa đơn kiêm phiếu xuất kho nhưng anh Phạm Quang H chưa được giao đủ số hàng đã mua. Anh Phạm Quang H đã nhiều lần yêu cầu Công ty trả hàng theo hợp đồng nhưng Công ty chưa trả. Anh Phạm Quang H khởi kiện yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền hàng đã nộp trước nhưng chưa được giao hàng. Như vậy quan hệ tranh chấp giữa anh Phạm Quang H với Công ty A là tranh chấp về “Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp” quy định tại Điều 24 của Nghị định số 42/2014/NĐ – CP ngày 14 tháng 05 năm 2014 giữa cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh với pháp nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh Phạm Quang H đang ở nước ngoài Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quang H là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quang H yêu cầu Công ty A phải trả anh tổng số tiền 712.400.000đồng (bảy trăm mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tương đương với 97 gói sản phẩm anh đã mua nhưng chưa được trả hàng. Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ của anh Phạm Quang H cung cấp, có căn cứ xác định: Năm 2013 anh Phạm Quang H ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 0012636 với Công ty A - trong thời gian Công ty được phép hoạt động bán hàng đa cấp. Từ ngày 18/9/2013 đến ngày 30/7/2014, anh Phạm Quang H đã nộp vào Công ty A 957.200.000đồng tương ứng với 133 mã sản phẩm cao sâm. Công ty A đã trả anh Phạm Quang H 36 mã sản phẩm tổng trị giá 244.800.000đồng. Công ty

còn nợ anh Phạm Quang H 97 mã sản phẩm trị giá 712.400.000đồng. Do Công ty A đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo Quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục quản lý cạnh tranh nên Công ty A phải có nghĩa vụ đảm bảo các quyền lợi của người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ. Anh Phạm Quang H khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả số tiền 712.400.000đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 16, khoản 3 Điều 25 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quang H là có căn cứ.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quang H được chấp nhận nên Công ty A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 và điểm c tiểu mục 1.4 mục 1 Phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016). Mức án phí Công ty A phải chịu tương ứng với bậc thang từ 400.000.000đồng đến 800.000.000đồng = 20.000.000đồng + 4% của giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000đồng được tính như sau: Phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000đồng trong tổng số tiền Công ty A phải trả anh Phạm Quang H là $312.000.000\text{đồng} \times 4\% = 12.480.000\text{đồng} + 20.000.000\text{đồng} = 32.480.000\text{đồng}$.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 14, khoản 1, khoản 2 Điều 16, Điều 24 của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Buộc Công ty A phải trả anh Phạm Quang H 712.400.000đồng (bảy trăm mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty A phải chịu 32.480.000 đồng (ba mươi hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Phạm Quang H 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp ghi tại biên lai số AA/2018/0000745 ngày 13/11/2020 tại **Cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang**.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự ở Việt Nam vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa chỉ cuối cùng. Đương sự ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Thạo